

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 408/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/12/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 498/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 486/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 322/2024/QĐST-DS ngày 20/11/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị H**, sinh năm 1994;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan-Trung Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn, đồng thời là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Quang D, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1988;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan-Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/11/2011. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2019 anh K đi lao động tại Đài Loan-Trung Quốc, anh K mãi chơi không tu chí làm ăn dẫn đến nợ lán. Chị đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng anh K vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tin tưởng nhau. Đến năm 2022 chị cũng đi lao động tại Đài Loan-Trung Quốc nhưng vợ chồng chị cũng không ở cùng nhau, không liên lạc hay có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/04/2012 và Nguyễn Đức V, sinh ngày 03/7/2014. Cả hai con chung hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng cho con. Trong thời gian ở nước ngoài, chị ủy quyền cho bố đẻ là ông Đoàn Quang D tạm nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Lê Thị C (mẹ anh Nguyễn Văn K) thể hiện: Hiện nay anh K đang lao động tại Đài Loan – Trung Quốc, anh K vẫn liên lạc hỏi thăm gia đình. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo cho anh K biết, anh K không gửi quan điểm thể hiện bằng văn bản nhưng trao đổi qua điện thoại, anh K có quan điểm đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, anh K đồng ý để chị H nuôi cả hai con chung. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ông Đoàn Quang D (bố đẻ chị Đoàn Thị H): Hai cháu Nguyễn Gia B và Nguyễn Đức V hiện nay đang sinh sống cùng gia đình ông. Ông đồng ý sẽ thay chị H chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu trong thời gian chị H lao động ở nước ngoài. Ông được chị H ủy quyền giao nhận hồ sơ, văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho chị H biết nội dung các văn bản tố tụng.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Chị H và anh K kết hôn hợp pháp và có đăng ký tại địa phương. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị H và anh K do năm 2019 anh K đi lao động tại Đài Loan-Trung Quốc dẫn đến không hòa hợp trong làm ăn kinh tế. Mặc dù anh K đi lao động nước ngoài nhưng không tu chí làm ăn dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, không có cách khắc phục. Nay chị H có đơn ly hôn anh K, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Con chung của chị H, anh K là Nguyễn Gia B và Nguyễn Đức V đều có nguyện vọng được ở với chị H và ông bà ngoại.

Tại phiên tòa: Chị H, ông D vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh K vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt và giấu địa chỉ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Đoàn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn K; Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/04/2012 và Nguyễn Đức V, sinh ngày 03/7/2014. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đoàn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Văn K. Chị H và anh K hiện đang lao động tại Đài Loan-Trung Quốc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa chị H, ông D đề nghị xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn K được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/11/2011. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2019 anh K đi lao động tại Đài Loan-Trung Quốc, anh K không tu chí làm ăn dẫn đến nợ nần. Chị đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng anh K vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tin tưởng nhau. Đến năm 2022 chị cũng đi lao động tại Đài Loan-Trung Quốc nhưng vợ chồng chị cũng không ở cùng nhau, không liên lạc hay có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh bởi lời khai của các đương sự, quan điểm của gia đình, địa phương, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu

khỏi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh K là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H, anh K có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/04/2012 và Nguyễn Đức V, sinh ngày 03/7/2014. Cả hai con chung đều có nguyện vọng ở với chị H. Anh K nhất trí để chị H nuôi con. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho con chung chưa thành niên, HĐXX giao cho do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai con chung là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và nguyện vọng của các đương sự. Trong thời gian chị H ở nước ngoài, tạm giao con chung cho ông ngoại là Đoàn Quang D nuôi dưỡng các cháu.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Chị H và anh K xác định không có tài chung, nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Đoàn Thị H** ly hôn với anh **Nguyễn Văn K**.

2. Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/04/2012 và Nguyễn Đức V, sinh ngày 03/7/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đoàn Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn K phải cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Tạm giao các con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/04/2012 và Nguyễn Đức V, sinh ngày 03/7/2014 cho ông Đoàn Quang D chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Đoàn Thị H ở nước ngoài.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005183 ngày 04/10/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày. Ông Đoàn Quang D được quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày. Kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Nguyễn Minh Tân**